



Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng Của Sản Phẩm Bảo Hiểm

Xanh Ước Mơ

Lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm tự động
gia tăng

Giải pháp tích lũy giáo dục 1 2 3

1 Giải Pháp | **2** Thế Hệ | **3** Bảo Vệ

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam).

Nhiệm vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư.



1 Giải Pháp

Cho con cuộc đời,
chờ che trọn đời

- Bảo vệ suốt đời trước các rủi ro trong cuộc sống
- Tích lũy an toàn, không âu lo với lãi suất cam kết trong suốt thời hạn hợp đồng

2 Thế hệ

Bắt đầu từ cha mẹ,
tương lai trọn cho con

- Tích lũy hiệu quả với lãi suất gia tăng trong 10 năm đầu tiên
- Thưởng duy trì hợp đồng tại cột mốc kỷ niệm năm thứ 10

3 Bảo Vệ

Nhân 3 bảo vệ theo
từng bước chân con

- Tự động gia tăng 5% Số Tiền Bảo Hiểm ⁽¹⁾ mỗi năm
- Gia tăng 5% Số Tiền Bảo Hiểm ⁽²⁾ khi có thành viên mới trong gia đình
- Linh hoạt chuyển đổi kế hoạch bảo hiểm theo nhu cầu



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

- Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)
- Điện thoại: (028) 5416 6888
- Website: www.manulife.com.vn
- Trụ sở chính: Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Q7, TP.HCM
- Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 13GP/KDBH, cấp lần đầu ngày 24/01/2005 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- Vốn điều lệ: 22.220 tỷ đồng

Manulife không tăng phí bảo hiểm, không thăm định sức khỏe đối với 02 Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm.

⁽¹⁾ Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng, tăng tối đa 50% từ Năm Hợp Đồng thứ 2 đến Năm Hợp Đồng thứ 11

⁽²⁾ Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng, tăng tối đa 25% (tương ứng 5 thành viên mới)

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

- Họ và tên đại lý: NGUYỄN VĂN VĂN
- Mã số đại lý: 10401

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nghề nghiệp	Loại nghề nghiệp
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)	KHÁCH HÀNG	Nữ	01/01/1997	28	Bar/Quán cà phê - Nhân viên bảo vệ	3
Người Được Bảo Hiểm (NĐBH)	KHÁCH HÀNG	Nữ	01/01/1997	28	Bar/Quán cà phê - Nhân viên bảo vệ	3

THÔNG TIN CHUNG CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

THÔNG TIN CHUNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính	Người Được Bảo Hiểm	Tuổi	Thời Hạn Đóng Phí dự kiến (năm)	Thời Hạn Hợp Đồng (năm)	Mức thâm định (1)	Số Tiền Bảo Hiểm (VNĐ)	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ Năm (VNĐ)
Xanh Ước Mơ - Lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm tự động gia tăng - Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản	KHÁCH HÀNG	28	20	71	Chuẩn	1.100.000.000	20.000.000

- Thời Hạn Đóng Phí bắt buộc: 03 Năm Hợp Đồng đầu tiên
 - Thời hạn đóng phí tối đa: 71 năm
- Lưu ý:**
- Trong Thời Hạn Đóng Phí bắt buộc (03 Năm Hợp Đồng đầu tiên), Hợp Đồng sẽ mất hiệu lực nếu Phí Bảo Hiểm Cơ Bản theo định kỳ không được đóng đầy đủ và đúng hạn.
 - Từ Năm Hợp Đồng thứ 04 trở đi:
 - BMBH có thể đóng phí theo Thời Hạn Đóng Phí dự kiến đã chọn hoặc đóng phí linh hoạt vào bất kỳ lúc nào trong Năm Hợp Đồng. Tuy nhiên, BMBH nên đóng phí như dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
 - Hợp Đồng sẽ mất hiệu lực nếu GTTK Hợp Đồng (sau khi trừ Nợ, nếu có) không đủ để khấu trừ (các) Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng.

TỔNG PHÍ BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ (VNĐ)			
	Năm	Nửa Năm	Quý
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính (a)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Tổng phí bảo hiểm của (các) Sản Phẩm Bảo Hiểm Đính Kèm (b)	0	0	0
Phí bảo hiểm định kỳ (c) = (a) + (b)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm dự kiến của Năm Hợp Đồng đầu tiên (d)	0	0	0
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ trong Năm Hợp Đồng đầu tiên (e) = (c) + (d)	20.000.000	10.400.000	5.200.000
Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm			

Lưu ý dành cho phần THÔNG TIN CHUNG CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM:

(1) Mức thẩm định:

- Khi thông tin thể hiện là “Chuẩn”: NĐBH có tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp ở mức chuẩn theo quy định của Manulife.
- Khi thông tin **không** thể hiện là “Chuẩn”: NĐBH có tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp ở mức dưới chuẩn theo quy định của Manulife. Vui lòng xem chi tiết trong Thư Thỏa Thuận (V.v: Các điều kiện bảo hiểm).
Tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp của NĐBH tại từng thời điểm, mức thẩm định và Phí Rủi Ro có thể được điều chỉnh theo quy định của Manulife.

THÔNG TIN TRA CỨU VỀ (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM	
1	Sản Phẩm Bảo Hiểm Xanh Ước Mơ có tên kỹ thuật là “Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung - Đóng phí định kỳ (Phiên Bản 3)”

Khách hàng có thể tham khảo Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem.html>

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM XANH ƯỚC MƠ

1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
Quyền lợi bảo hiểm tử vong	- Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số tiền lớn hơn giữa Giá Trị Tài Khoản (GTTK) Cơ Bản và Số Tiền Bảo Hiểm; cộng GTTK Đóng Thêm. Quyền lợi chu toàn hậu sự: Sau khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tử vong, Manulife sẽ ứng trước 30.000.000 đồng. - Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực ngay tại ngày NĐBH tử vong.
Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn (TTTBVV)	- Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số tiền lớn hơn giữa GTTK Cơ Bản và Số Tiền Bảo Hiểm; cộng GTTK Đóng Thêm khi NĐBH bị: TTTBVV do mất bộ phận/ chức năng cơ thể; hoặc TTTBVV do tổn thương cơ thể không do bệnh ung thư tuyến giáp; hoặc TTTBVV do tổn thương cơ thể do bệnh ung thư tuyến giáp thuộc giai đoạn IV hoặc có di căn xa. Hợp Đồng sẽ chấm dứt hiệu lực tại ngày NĐBH được chứng nhận bị TTTBVV. - Manulife sẽ chi trả 110.000.000 đồng khi NĐBH bị TTTBVV do tổn thương cơ thể do bệnh ung thư tuyến giáp không thuộc giai đoạn IV và không di căn xa. Hợp Đồng tiếp tục có hiệu lực. - Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV chấm dứt khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

Lưu ý đối với quyền lợi bảo hiểm:

- Điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm rủi ro: Sự kiện bảo hiểm xảy ra sau thời gian chờ (nếu có) và không thuộc bất kỳ trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nào.
- Trường hợp NĐBH bị TTTBVV hoặc tử vong trước khi đạt 04 Tuổi, Manulife sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm với Số Tiền Bảo Hiểm được điều chỉnh theo tỷ lệ dưới đây:

Tuổi	Dưới 01 Tuổi	01 Tuổi	02 Tuổi	03 Tuổi
Số Tiền Bảo Hiểm sau khi điều chỉnh	Bằng 20% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 40% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 60% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)	Bằng 80% của Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng (nếu có)

- Vui lòng tham khảo Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm để biết chi tiết về cách thức xác định quyền lợi bảo hiểm.

2. QUYỀN LỢI GIA TĂNG SỐ TIỀN BẢO HIỂM

Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm tự động	- Tại mỗi Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng từ Năm Hợp Đồng thứ 02 đến Năm Hợp Đồng thứ 11, Số Tiền Bảo Hiểm sẽ được tự động gia tăng một khoản bằng 5,0% của Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng mà không cần thẩm định sức khỏe. - Số Tiền Bảo Hiểm gia tăng theo quyền lợi này không làm thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản. - Các quyền lợi bảo hiểm và Phí Rủi Ro sẽ được xác định tương ứng với Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng tại từng thời điểm.
Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình	- Quyền lợi gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình là 5,0% Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng trên mỗi thành viên. Tổng tỷ lệ gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm đối với quyền lợi này tối đa là 25% Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng (tương ứng với tối đa 05 thành viên). - Số Tiền Bảo Hiểm tăng thêm theo quyền lợi này không làm thay đổi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản. - Các quyền lợi bảo hiểm và Phí Rủi Ro sẽ được xác định tương ứng với Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng tại từng thời điểm. Điều kiện yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm khi có thành viên mới trong gia đình: - Yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm và các chứng từ hợp lệ liên quan được gửi đến Manulife trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết hôn, sinh con hoặc nhận con nuôi. - Tại ngày yêu cầu gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm: - Người Được Bảo Hiểm chưa đạt 70 Tuổi; và - Người Được Bảo Hiểm còn sống và có Sức Khỏe Tiêu Chuẩn.

3. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

4. QUYỀN LỢI THƯỜNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG

Quyền lợi thường duy trì Hợp Đồng	Vào cuối Năm Hợp Đồng thứ 10, Manulife sẽ chi trả quyền lợi thường duy trì hợp đồng bằng 50% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên vào Tài Khoản Đóng Thêm.
Điều kiện chi trả quyền lợi thường duy trì Hợp Đồng	Manulife sẽ chi trả quyền lợi thường duy trì hợp đồng nếu trong 10 Năm Hợp Đồng đầu tiên, Hợp Đồng thỏa tất cả các điều kiện sau: - Hợp Đồng Bảo Hiểm chưa từng bị mất hiệu lực; - Không có giao dịch rút GTTK Cơ Bản (<i>trừ trường hợp rút tự động để đóng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản</i>); - Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ trong vòng 60 ngày kể từ Ngày Đến Hạn Đóng Phí; - Số Tiền Bảo Hiểm trong Thời Hạn Xem Xét không thấp hơn so với Số Tiền Bảo Hiểm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng; - Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm trong Thời Hạn Xem Xét không thấp hơn so với Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Quy Năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng.

5. QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN

Vào Ngày Đáo Hạn Hợp Đồng, Manulife sẽ chi trả toàn bộ GTTK Hợp Đồng (là tổng của GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm) sau khi trừ đi Nợ (nếu có).
--

6. CÁC YẾU TỐ LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

GTTK Hợp Đồng (là tổng của GTTK Cơ Bản và GTTK Đóng Thêm) sẽ tăng hoặc giảm hàng tháng theo các trường hợp sau:

Tăng		Giảm
GTTK Cơ Bản	• Tăng sau khi Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được phân bổ vào Tài Khoản Cơ Bản (nếu có); • Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư; • Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng.	• Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng; • Giảm sau khi trừ khoản rút từ GTTK Cơ Bản.
GTTK Đóng Thêm	• Tăng sau khi Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm được phân bổ vào Tài Khoản Đóng Thêm (nếu có); • Tăng sau khi được cộng quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư; • Tăng sau khi được cộng quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng (nếu có).	• Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng (nếu GTTK Cơ Bản không đủ để chi trả khoản tiền này); • Giảm sau khi được trừ khoản rút từ GTTK Đóng Thêm.

MINH HẠ HỢP ĐỒNG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM TRONG 20 NĂM

Minh họa về các khoản phí tính cho BMBH

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí Bảo Hiểm (Phí BH) hàng năm				Phí Ban Đầu hàng năm			Phí BH đem đi đầu tư hàng năm			Phí Quản Lý Hợp Đồng (11)	Phí Rủi Ro hàng năm	
	Phí BH Cơ Bản (1)	Phí BH Đóng Thêm (2)	Phí BH Sản Phẩm Đính Kèm (3)	Tổng Phí BH (4)=(1)+(2)+ (3)	Phí BH Cơ Bản (5)	Phí BH Đóng Thêm (6)	Tổng Phí Ban Đầu (7)=(5)+(6)	Phí BH Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (8)=(1)-(5)	Phí BH Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (9)=(2)-(6)	Tổng Phí BH đem đi đầu tư (10)=(8)+(9)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (12)	Tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (13)
1/29	20.000			20.000	10.000		10.000	10.000		10.000	550	1.112	1.112
2/30	20.000			20.000	6.000		6.000	14.000		14.000	574	1.201	1.200
3/31	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	598	1.290	1.289
4/32	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	622	1.381	1.380
5/33	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	646	1.476	1.473
6/34	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	670	1.582	1.577
7/35	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	694	1.704	1.696
8/36	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	718	1.844	1.831
9/37	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	742	2.031	2.011
10/38	20.000			20.000	400		400	19.600		19.600	766	2.239	2.209
11/39	20.000			20.000				20.000		20.000	790	2.486	2.441
12/40	20.000			20.000				20.000		20.000	814	2.687	2.624
13/41	20.000			20.000				20.000		20.000	833	2.883	2.796
14/42	20.000			20.000				20.000		20.000	840	3.102	2.986
15/43	20.000			20.000				20.000		20.000	840	3.314	3.163
16/44	20.000			20.000				20.000		20.000	840	3.521	3.328
17/45	20.000			20.000				20.000		20.000	840	3.736	3.492
18/46	20.000			20.000				20.000		20.000	840	3.945	3.642
19/47	20.000			20.000				20.000		20.000	840	4.161	3.789
20/48	20.000			20.000				20.000		20.000	840	4.384	3.931

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CAM KẾT TỐI THIỂU								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.750		8.750		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.201	574	221		21.854		21.854	3.854	1.155.000
3/31	20.000	16.000	1.290	598	373		37.264		37.264	28.264	1.210.000
4/32	20.000	16.000	1.381	622	528		53.099		53.099	47.099	1.265.000
5/33	20.000	16.000	1.476	646	686		69.028		69.028	65.028	1.320.000
6/34	20.000	19.600	1.582	670	882		89.014		89.014	87.014	1.375.000
7/35	20.000	19.600	1.704	694	1.081		108.914		108.914	108.914	1.430.000
8/36	20.000	19.600	1.844	718	1.280		129.147		129.147	129.147	1.485.000
9/37	20.000	19.600	2.031	742	1.479		148.932		148.932	148.932	1.540.000
10/38	20.000	19.600	2.239	766	11.677		168.880	10.000	178.880	178.880	1.605.000
11/39	20.000	20.000	2.486	790			186.540	10.050	196.590	196.590	1.660.050
12/40	20.000	20.000	2.687	814			204.062	10.100	214.163	214.163	1.660.100
13/41	20.000	20.000	2.883	833			221.457	10.151	231.608	231.608	1.660.151
14/42	20.000	20.000	3.102	840			238.712	10.202	248.913	248.913	1.660.202
15/43	20.000	20.000	3.314	840			255.840	10.253	266.092	266.092	1.660.253
16/44	20.000	20.000	3.521	840			272.846	10.304	283.149	283.149	1.660.304
17/45	20.000	20.000	3.736	840			289.721	10.355	300.077	300.077	1.660.355
18/46	20.000	20.000	3.945	840			306.472	10.407	316.879	316.879	1.660.407
19/47	20.000	20.000	4.161	840			323.090	10.459	333.549	333.549	1.660.459
20/48	20.000	20.000	4.384	840			339.568	10.511	350.079	350.079	1.660.511

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (không đảm bảo)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ MINH HỌA 4,0% (không đảm bảo)								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.796		8.796		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.200	574	222		22.122		22.122	4.122	1.155.000
3/31	20.000	16.000	1.289	598	378		38.104		38.104	29.104	1.210.000
4/32	20.000	16.000	1.380	622	540		54.773		54.773	48.773	1.265.000
5/33	20.000	16.000	1.473	646	709		72.161		72.161	68.161	1.320.000
6/34	20.000	19.600	1.577	670	922		94.075		94.075	92.075	1.375.000
7/35	20.000	19.600	1.696	694	1.144		116.945		116.945	116.945	1.430.000
8/36	20.000	19.600	1.831	718	1.376		140.804		140.804	140.804	1.485.000
9/37	20.000	19.600	2.011	742	1.618		165.656		165.656	165.656	1.540.000
10/38	20.000	19.600	2.209	766	11.870		191.531	10.000	201.531	201.531	1.605.000
11/39	20.000	20.000	2.441	790			216.691	10.400	227.091	227.091	1.660.400
12/40	20.000	20.000	2.624	814			242.647	10.816	253.463	253.463	1.660.816
13/41	20.000	20.000	2.796	833			269.445	11.249	280.694	280.694	1.661.249
14/42	20.000	20.000	2.986	840			297.115	11.699	308.814	308.814	1.661.699
15/43	20.000	20.000	3.163	840			325.710	12.166	337.877	337.877	1.662.166
16/44	20.000	20.000	3.328	840			355.281	12.653	367.934	367.934	1.662.653
17/45	20.000	20.000	3.492	840			385.866	13.159	399.025	399.025	1.663.159
18/46	20.000	20.000	3.642	840			417.522	13.686	431.207	431.207	1.663.686
19/47	20.000	20.000	3.789	840			450.294	14.233	464.527	464.527	1.664.233
20/48	20.000	20.000	3.931	840			484.232	14.802	499.034	499.034	1.664.802

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

MINH HỌA HỢP ĐỒNG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (03 NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN)

Minh họa về các khoản phí tính cho BMBH

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí Bảo Hiểm (Phí BH) hàng năm				Phí Ban Đầu hàng năm			Phí BH đem đi đầu tư hàng năm			Phí Quản Lý Hợp Đồng (11)	Phí Rủi Ro hàng năm	
	Phí BH Cơ Bản (1)	Phí BH Đóng Thêm (2)	Phí BH Sản Phẩm Đỉnh Kèm (3)	Tổng Phí BH (4)=(1)+(2)+ (3)	Phí BH Cơ Bản (5)	Phí BH Đóng Thêm (6)	Tổng Phí Ban Đầu (7)=(5)+(6)	Phí BH Cơ Bản sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (8)=(1)-(5)	Phí BH Đóng Thêm sau khi khấu trừ Phí Ban Đầu (9)=(2)-(6)	Tổng Phí BH đem đi đầu tư (10)=(8)+(9)		Tại mức lãi suất đầu tư cam kết (12)	Tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (13)
1/29	20.000			20.000	10.000		10.000	10.000		10.000	550	1.112	1.112
2/30	20.000			20.000	6.000		6.000	14.000		14.000	574	1.201	1.200
3/31	20.000			20.000	4.000		4.000	16.000		16.000	598	1.290	1.289
4/32											622	1.400	1.399
5/33											646	1.515	1.513
6/34											670	1.648	1.645
7/35											694	1.802	1.797
8/36											718	1.977	1.971
9/37											742	2.205	2.197
10/38											766	2.462	2.451
11/39											790	2.764	2.751
12/40											814	3.031	3.015
13/41											833	3.300	3.280
14/42											840	3.603	3.579
15/43											840	3.909	3.881
16/44											840	4.217	4.185
17/45											840	95	4.509
18/46											840		4.836
19/47											317		1.951
20/48													

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ CAM KẾT TỐI THIỂU								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.750		8.750		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.201	574	221		21.854		21.854	3.854	1.155.000
3/31	20.000	16.000	1.290	598	373		37.264		37.264	28.264	1.210.000
4/32			1.400	622	366		36.516		36.516	30.516	1.265.000
5/33			1.515	646	357		35.422		35.422	31.422	1.320.000
6/34			1.648	670	345		34.135		34.135	32.135	1.375.000
7/35			1.802	694	330		32.464		32.464	32.464	1.430.000
8/36			1.977	718	312		30.549		30.549	30.549	1.485.000
9/37			2.205	742	291		28.183		28.183	28.183	1.540.000
10/38			2.462	766	266		25.487		25.487	25.487	1.595.000
11/39			2.764	790			22.050		22.050	22.050	1.650.000
12/40			3.031	814			18.305		18.305	18.305	1.650.000
13/41			3.300	833			14.253		14.253	14.253	1.650.000
14/42			3.603	840			9.869		9.869	9.869	1.650.000
15/43			3.909	840			5.157		5.157	5.157	1.650.000
16/44			4.217	840			112		112	112	1.650.000
17/45			95	18			Mất hiệu lực	Mất hiệu lực	Mất hiệu lực		
18/46											
19/47											
20/48											

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

Minh họa quyền lợi bảo hiểm tại mức lãi suất đầu tư minh họa 4,0% (không đảm bảo)

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí BH (*) (1)	Phí BH đem đi đầu tư (2)	MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ MINH HỌA 4,0% (không đảm bảo)								
			Phí Rủi Ro (3)	Phí Quản Lý Hợp Đồng (4)	Quyền lợi thưởng khác (**) (5)	Rút GTTK (6)	GTTK Cơ Bản (7)	GTTK Đóng Thêm (8)	GTTK Hợp Đồng (9)	Giá Trị Hoàn Lại (GTHL) (10)	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV (***)
1/29	20.000	10.000	1.112	550	93		8.796		8.796		1.100.000
2/30	20.000	14.000	1.200	574	222		22.122		22.122	4.122	1.155.000
3/31	20.000	16.000	1.289	598	378		38.104		38.104	29.104	1.210.000
4/32			1.399	622	377		37.948		37.948	31.948	1.265.000
5/33			1.513	646	375		37.642		37.642	33.642	1.320.000
6/34			1.645	670	371		37.160		37.160	35.160	1.375.000
7/35			1.797	694	365		36.473		36.473	36.473	1.430.000
8/36			1.971	718	357		35.549		35.549	35.549	1.485.000
9/37			2.197	742	346		34.321		34.321	34.321	1.540.000
10/38			2.451	766	332		32.745		32.745	32.745	1.595.000
11/39			2.751	790			30.437		30.437	30.437	1.650.000
12/40			3.015	814			27.744		27.744	27.744	1.650.000
13/41			3.280	833			24.652		24.652	24.652	1.650.000
14/42			3.579	840			21.124		21.124	21.124	1.650.000
15/43			3.881	840			17.146		17.146	17.146	1.650.000
16/44			4.185	840			12.699		12.699	12.699	1.650.000
17/45			4.509	840			7.743		7.743	7.743	1.650.000
18/46			4.836	840			2.255		2.255	2.255	1.650.000
19/47			1.951	317			Mất hiệu lực	Mất hiệu lực	Mất hiệu lực		
20/48											

(*) Phí BH bao gồm Phí BH Cơ Bản và Phí BH Đóng Thêm.

(**) Quyền lợi thưởng khác bao gồm quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng và quyền lợi hưởng lãi suất gia tăng

(***) Quyền lợi TTTBVV sẽ kết thúc khi NĐBH đạt 75 Tuổi.

(1), (2), (3), (4), (5), (6): Giá trị (nếu có) được thể hiện cho mỗi Năm HĐ

(7), (8), (9): GTTK tích lũy tới cuối Năm HĐ

(10): GTHL được tính đến cuối Năm HĐ mà Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn

GHI CHÚ:

- Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này dựa trên giả định:
 - GTTK Hợp Đồng được minh họa theo phí bảo hiểm theo định kỳ Năm và và được tích lũy đến cuối Năm Hợp Đồng liên quan. GTTK Hợp Đồng có thể thay đổi theo phí bảo hiểm thực đóng và định kỳ đóng phí thực tế.
 - NĐBH có sức khỏe ở mức thẩm định như được nêu tại mục **Thông Tin Chung Của (Các) Sản Phẩm Bảo Hiểm**
 - Hợp Đồng thỏa tất cả các điều kiện để nhận quyền lợi thưởng duy trì Hợp Đồng.
- Mức lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu và mức lãi suất đầu tư minh họa trên đây đã được khấu trừ % Phí Quản Lý Quỹ.
- Mức lãi suất đầu tư minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung và mức lãi suất đầu tư này là không đảm bảo. Tuy nhiên mức Lãi Suất Đầu Tư sẽ được đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
- Quyền lợi bảo hiểm tử vong, TTTBVV, GTTK Hợp Đồng trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này được tính dựa trên Số Tiền Bảo Hiểm sau khi gia tăng của quyền lợi tự động gia tăng Số Tiền Bảo Hiểm.
- Giá Trị Hoàn Lại được xác định bằng Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng tại ngày Hợp Đồng bị chấm dứt trước hạn, trừ đi (i) Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn và (ii) Nợ (nếu có).

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên Kết Chung là (“Quỹ”) được hình thành từ việc phân bổ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm, được tạo ra từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung do Công Ty phát hành.

1. **Chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ:** Quỹ có chính sách đầu tư trung và dài hạn, tập trung tìm kiếm sự cân bằng tối ưu giữa tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro với mục tiêu tạo được lợi nhuận đầu tư ổn định và sinh lời với khả năng thanh khoản cao cho khách hàng.
2. **Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ:** Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ tập trung chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ của thị trường tiền tệ và các kênh đầu tư khác. Tỷ lệ phân bổ tài sản cụ thể được công bố hằng năm trong Báo Cáo Thường Niên – Quỹ Liên Kết Chung, đăng tải trên Website: www.manulife.com.vn
3. **Đơn vị nhận ủy thác Quỹ:** Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam).
4. **Lãi Suất Công Bố 05 năm vừa qua của Quỹ Liên Kết Chung:**

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Lãi Suất Công Bố (*)	4,5% - 5,0%	4,0% - 5,0%	3,3% - 4,5%	3,5% - 4,2%	3,5% - 4,5%

Vui lòng xem chi tiết tại chương Thông Tin Về Quỹ Liên Kết Chung trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của Sản Phẩm Bảo Hiểm.

THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Phí Ban Đầu	Là khoản phí mà Manulife khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm trước khi phân bổ vào Tài Khoản Cơ Bản và Tài Khoản Đóng Thêm của Hợp Đồng.											
	Phí Ban Đầu được khấu trừ theo tỷ lệ % của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm như sau:											
	Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6-10	11+				
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	50%	30%	20%	20%	20%	2%	0%				
	% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	1,5 %							0%			
2. Phí Rủi Ro	Là khoản phí dùng để đảm bảo chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp Đồng.											
	Phí Rủi Ro được tính và thay đổi theo Tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người Được Bảo Hiểm và Số Tiền Bảo Hiểm tại thời điểm khấu trừ.											
3. Phí Quản Lý Hợp Đồng	Phí Quản Lý Hợp Đồng là khoản phí dùng để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp Đồng và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho BMBH.											
	Trong năm 2025, Phí Quản Lý Hợp Đồng là 45.000 đồng/ Hợp Đồng/ tháng và sẽ tự động tăng 2.000 đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Tuy nhiên, mức Phí Quản Lý Hợp Đồng tối đa là 70.000 đồng/ Hợp Đồng/ tháng.											
	Đơn vị tính: 1.000 VNĐ											
	Năm	2025	2026	2027	2028	2029	...	2034	2035	2036	2037	2038+
	Phí Quản Lý Hợp Đồng	45	47	49	51	53	...	63	65	67	69	70
4. Phí Quản Lý Quỹ	Là khoản phí được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, định giá tài sản, giám sát và quản lý Quỹ.											
	Phí Quản Lý Quỹ được khấu trừ trước khi xác định kết quả đầu tư của Quỹ. Phí Quản Lý Quỹ tối đa là 2%/ năm tính trên Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.											
5. Phí Chấm Dứt Hợp Đồng Trước Hạn	Là khoản phí phát sinh khi Hợp Đồng bị chấm dứt trước thời hạn, được tính theo % của Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng và tùy thuộc vào Năm Hợp Đồng theo quy định tại bảng sau:											
	Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7+				
	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm tại Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng	90%	90%	45%	30%	20%	10%	0%				

Lưu ý: Trường hợp Manulife áp dụng mức Phí Quản Lý Hợp Đồng, Phí Quản Lý Quỹ cao hơn mức tối đa nêu trên (sau khi được sự chấp thuận của Bộ Tài chính), Manulife sẽ thông báo cho BMBH 03 tháng trước khi áp dụng mức phí mới.

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Manulife sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra trong bất kỳ trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nào được quy định tại Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Vui lòng tham khảo chi tiết tại Chương “Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm” của Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm hoặc truy cập website <https://www.manulife.com.vn/> - mục **Sản phẩm** để biết thêm chi tiết

CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng: 1900 1776
- Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: khachhang@manulife.com
- Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: <https://www.manulife.com.vn/vi/lien-he.html>
- Khách hàng có thể truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại: <https://shop.manulife.com.vn/ext/vn-ecm-web/dang-ky>
- Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/ve-chung-toi/bao-cao-tai-chinh.html>

LƯU Ý KHI THAM GIA SẢN PHẨM

- Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ có giá trị minh họa, vui lòng tham khảo chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.
- BBH, NDBH cần tuân thủ các quy định trong Quy tắc, Điều kiện và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm để đảm bảo quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là:
 - Trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Manulife xem xét chấp thuận bảo hiểm cho Hợp Đồng này.
 - Trách nhiệm đảm bảo khả năng tài chính để hoàn thành nghĩa vụ đóng phí.
- Hợp Đồng là một cam kết dài hạn. Việc chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn có thể ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính trong tương lai của BBH. Giá Trị Hoàn Lại của Hợp Đồng khi chấm dứt trước thời hạn có thể thấp hơn tổng phí bảo hiểm đã đóng.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM VÀ ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Tôi, người ký tên dưới đây xác nhận đã hoàn thiện Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này theo thông tin do BMBH cung cấp và đã giải thích trung thực, tư vấn đầy đủ cho BMBH, NĐBH về nội dung chi tiết của:

- Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng; và
- Quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm; và
- Quyền và nghĩa vụ của BMBH, NĐBH khi giao kết Hợp Đồng.

Ngày: _____

Chữ ký: _____
NGUYỄN VĂN VĂN, 10401, HCM04

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

1. Tôi/ Chúng tôi xác nhận đã được đại lý giải thích rõ ràng, tư vấn đầy đủ toàn bộ nội dung tại Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này; quyền lợi bảo hiểm; điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của tôi/ chúng tôi khi giao kết Hợp Đồng. Tôi/ Chúng tôi cũng đã đọc và hiểu rõ toàn bộ nội dung trong Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này.
2. Tôi/ Chúng tôi cam kết đã cung cấp, kê khai một cách trung thực các thông tin trên Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này và các tài liệu, biểu mẫu liên quan khác cho Manulife nhằm mục đích cấp và giao kết Hợp Đồng, và chịu mọi trách nhiệm liên quan nếu khai báo không trung thực.
3. Tôi/ Chúng tôi hiểu rằng Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng này chỉ có hiệu lực nếu được nộp vào Manulife để cấp Hợp Đồng vào hoặc trước ngày 26/07/2025 và được đính kèm với Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của BMBH.
4. Tôi/ Chúng tôi hiểu rằng đây là một sản phẩm bảo hiểm có yếu tố đầu tư, cho phép khách hàng như tôi/ chúng tôi vừa có quyền lợi bảo hiểm rủi ro vừa có quyền lợi đầu tư, mà không phải là sản phẩm đầu tư thuần túy.

Ngày: _____

Chữ ký: _____
KHÁCH HÀNG